

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CÓ SỐ TIẾT THỪA VƯỢT TRÊN 200 TIẾT NĂM HỌC 2013-2014 VÀ 2014-2015

STT	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ	Số tiết thừa, thiếu NH 2014- 2015	Số tiết thừa NH 2013-2014	Tổng số tiết thừa sau khi cần trừ tiết thiếu (14-15)	Ghi chú
1	2		4			
1	Nguyễn Văn Danh	CNTT	0.0	56.2	56.2	
2	Nguyễn Văn Giang	CNTT	0.0	708.1	708.1	
3	Nguyễn Thị Thu Hồng	CNTT	0.0	7.0	7.0	
4	Nguyễn Khoa	CNTT	0.0	50.3	50.3	
5	Nguyễn Văn Minh	CNTT	0.0	132.7	132.7	
6	Nguyễn Thị Khánh Thù	CNTT	0.0	67.4	67.4	
7	Nguyễn Thị Thủy	CNTT	-28.0	85.2	57.2	
8	Đỗ Thị Thơm	LLCT	0.0	22.1	22.1	
9	Trần Kim Thu Liễu	KHCB	11.8	21.5	33.3	
10	Phạm Thị Thu Nga	KHCB	0.0	12.6	12.6	
11	Đặng Thị Nhật Minh	KHCB	0.0	71.7	71.7	
12	Hồ Thị Anh	Đ-ĐT	0.0	36.4	36.4	
13	Ngô Hoàng Anh	Đ-ĐT	0.0	41.8	41.8	
14	Châu Văn Bảo	Đ-ĐT	27.2	0.0	27.2	
15	Ngô Phong Cường	Đ-ĐT	-77.5	186.7	109.2	
16	Nguyễn Minh Đức Cường	Đ-ĐT	0.0	70.4	70.4	
17	Võ Cường	Đ-ĐT	-5.2	213.5	208.3	
18	Nguyễn Minh Đức (A)	Đ-ĐT	37.0	0.0	37.0	
19	Tăng Cẩm Huê	Đ-ĐT	0.0	73.4	73.4	
20	Trần Thị Lệ	Đ-ĐT	0.0	60.6	60.6	
21	Nguyễn Huỳnh Liên	Đ-ĐT	0.0	173.6	173.6	
22	Huỳnh Ngọc Mai	Đ-ĐT	0.0	79.7	79.7	
23	Đặng Đức Minh	Đ-ĐT	0.0	15.2	15.2	
24	Nguyễn Thị Tô Nga	Đ-ĐT	0.0	6.3	6.3	
25	Nguyễn Anh Tăng	Đ-ĐT	0.0	19.8	19.8	
26	Quách Minh Thử	Đ-ĐT	0.0	44.8	44.8	
27	Trần Công Tiến	Đ-ĐT	0.0	39.8	39.8	
28	Bốc Minh Trí	Đ-ĐT	-0.8	100.2	99.4	
29	Nguyễn Trọng Trí	Đ-ĐT	0.0	44.8	44.8	
30	Trương Việt Khánh Trang	CN May	71.1	74.6	145.7	
31	Lâm Thị Phương Thùy	CN May	0.0	44.9	44.9	

STT	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ	Số tiết thừa, thiếu NH 2014 2015	Số tiết thừa NH 2013-2014	Tổng số tiết thừa sau khi cần trừ tiết thiếu (14-15)	Ghi chú
32	Bùi Thị Ngọc Sương	CN Máy	0.0	4.2	4.2	